

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19-9-2025
V/v ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ca Kiều Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Hận

2. Ông Trần Bằng Phi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tô Hồng Đức – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2025/QĐ-ST ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Thanh T**, sinh ngày 12/01/1991

Địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường H, tỉnh Cà Mau)

Bị đơn: Bà **Lâm Thị Xà L**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp B, xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường H, tỉnh Cà Mau).

(Ông T và bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/6/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trần Thanh T trình bày: Năm 2007, ông Trần Thanh T và bà Lâm Thị Xà L tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã H, tỉnh Cà Mau) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/9/2012. Khoảng năm 2018, bà L dẫn 03 con về nhà cha mẹ ruột sinh sống làm ăn, từ đó về sau bà L không về nhà nữa, nên

không còn chung sống khoảng 05 năm nay, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không còn tình cảm. Nay nhận thấy không còn khả năng hàn gắn tiếp tục chung sống nên T xin ly hôn bà L.

Ông T và bà L có 03 con chung tên Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 09/5/2008, Trần Thị Tuyết T1, sinh ngày 06/7/2010, Trần Thanh T2, sinh ngày 15/5/2014, các con đang sống chung với bà L, để cuộc sống của các con chung ổn định nên ông T đồng ý tiếp tục giao 03 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T và bà L không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lâm Thị Xà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, không đến Tòa án làm việc, không có lời khai trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Thanh T, cho ông T ly hôn với bà Lâm Thị Xà L. Về con chung: Giao 03 con chung tên Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 09/5/2008, Trần Thị Tuyết T1, sinh ngày 06/7/2010, Trần Thanh T2, sinh ngày 15/5/2014 cho bà Lâm Thị Xà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, bà L không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, nuôi con” giữa nguyên đơn là ông Trần Thanh T và bị đơn bà Lâm Thị Xà L, bị đơn bà L đang cư trú tại phường H, tỉnh Cà Mau nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng đạt văn bản tố tụng đối với bị đơn bà Lâm Thị Xà L, bà L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ lần

thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đối với nguyên đơn ông Trần Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T và bà L theo quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Năm 2007, bà ông Trần Thanh T và bà Lâm Thị Xà L tự nguyện chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (nay là phường H, tỉnh Cà Mau) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/9/2012 nên hôn nhân của ông T và bà L là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian chung sống, ông T xác định vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên bà L dẫn theo 03 con chung về nhà cha mẹ ruột sống khoảng 05 năm nay. Ngoài ra, theo biên bản xác minh ngày 13/8/2025, chính quyền địa phương cũng xác định ông T và bà L chung sống xảy ra mâu thuẫn nên bà L dẫn 03 con về nhà cha mẹ ruột sống mấy năm nay. Như vậy, sự việc vợ chồng ông T và bà L xảy ra mâu thuẫn và đã không còn chung sống là đúng sự thật, phù hợp với lời khai của ông T cũng như tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân là sự tự nguyện chung sống, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng tình trạng hôn nhân giữa ông T và bà L đã mâu thuẫn trầm trọng không có khả năng hàn gắn, vợ chồng không còn chung sống mấy năm nay, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho ông T ly hôn bà L là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông T và bà L có 03 con chung tên Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 09/5/2008, Trần Thị Tuyết T1, sinh ngày 06/7/2010, Trần Thanh T2, sinh ngày 15/5/2014, ông T có cung cấp giấy khai sinh của các con. Hội đồng xét xử xét thấy: Các con chung đang sống với bà L, khi Tòa án đến nơi cư trú của bà L và các con chung thì không gặp được bà L và các con nên không tiến hành lấy lời khai được, mặc khác các con từ trước đến nay sống với bà L và ông T cũng đồng ý giao 03 con chung cho bà L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của con chung được ổn định cần giao cả 03 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Trong vụ án này bà L không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp bà L có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung thì có thể khởi kiện thành một vụ án khác để xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật. Ông T không trực tiếp nuôi con chung nên ông T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung theo Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có tài sản chung và nợ chung và Tòa án cũng không nhận được ý kiến, yêu cầu của bà L về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Trần Thanh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6, tỉnh Cà Mau tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 ngày 28/6/2025; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Thanh T đối với bà Lâm Thị Xà L. Cho ông Trần Thanh T được ly hôn bà Lâm Thị Xà L.

2. Về con chung: Giao 03 con chung tên Trần Thị Tuyết N, sinh ngày 09/5/2008, Trần Thị Tuyết T1, sinh ngày 06/7/2010 và Trần Thanh T2, sinh ngày 15/5/2014 cho bà Lâm Thị Xà L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; bà L không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

Ông Trần Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Thanh T và bà Lâm Thị Xà L không có tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trần Thanh T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, ông T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0011166 ngày 23/7/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Cà Mau, nay được chuyển thu án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND KV6, tỉnh Cà Mau;
- Cục THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ca Kiều Nguyệt